

SỰ TƯƠNG THÍCH GIỮA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ KÝ KẾT VỚI ASEAN TRONG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

HOÀNG TUẤN TỬ*

Phạm vi, giới hạn, chi phí, thời hạn, sử dụng phương tiện kỹ thuật trong tương trợ tư pháp về hình sự là những vấn đề còn chưa tương thích giữa Luật tương trợ tư pháp năm 2007 với điều ước quốc tế Việt Nam ký kết với các nước ASEAN. Bài viết kiến nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật quốc gia nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả về tương trợ tư pháp hình sự giữa Việt Nam và ASEAN.

*Từ khóa: Tương trợ tư pháp về hình sự; điều ước quốc tế; các nước ASEAN.
Nhận bài: 21/7/2021; biên tập xong: 26/7/2021; duyệt bài: 03/8/2021.*

Trong bối cảnh an ninh thế giới và khu vực đang diễn biến vô cùng phức tạp, Việt Nam và các nước ASEAN đang phải đối mặt với tình trạng gia tăng các loại tội phạm xuyên quốc gia như khủng bố, rửa tiền, buôn bán

người, buôn lậu, ma túy... Nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, Việt Nam đã và đang đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự, đặc biệt là vấn đề tương trợ tư pháp về hình sự (TTTPHS). Hiện nay, trong khuôn khổ hợp tác giữa các nước ASEAN, Việt Nam đã ký kết 01 hiệp định đa phương và 03 hiệp định song phương về TTTPHS¹. Mặc dù đã có sự chủ động trong hợp tác về tương trợ tư pháp giữa các nước

1. Việt Nam đã ký Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN năm 2004; Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 1998; Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Indonesia năm 2013; Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia năm 2016.

*Thượng úy, Thạc sĩ, Giảng viên Học viện Quốc tế Bộ Công an.

ASEAN, nhưng quá trình thực thi các công ước vẫn còn một số hạn chế, đặc biệt là rào cản do pháp luật quốc gia chưa thực sự tương thích với các điều ước Việt Nam đã ký kết.

1. Sự tương thích của pháp luật quốc gia và điều ước quốc tế giữa Việt Nam với các nước ASEAN về tương trợ tư pháp hình sự

- Về phạm vi tương trợ tư pháp:

Phạm vi TTTPHS được hiểu là giới hạn mà trong đó các chủ thể có thẩm quyền ở các quốc gia khác nhau thực hiện một hoặc một số hoạt động nhằm hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong việc giải quyết vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài². Đối chiếu giữa Luật tương trợ tư pháp năm 2007 với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký với các nước ASEAN thì phạm vi TTTPHS mà pháp luật trong nước quy định tương đối hẹp, chưa phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra. Luật tương trợ tư pháp năm 2007 chỉ quy định một số hoạt động TTTPHS như: Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTPHS; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ; truy cứu trách nhiệm hình sự; trao đổi thông tin. Điều này đã làm phạm vi TTTPHS bị giới hạn rất nhiều. Do đó, gây ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả hợp tác giữa các nước ASEAN trong hoạt động TTTPHS nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm và xử lý các vụ án hình sự. Trên thực

tế, một số trường hợp Việt Nam nhận được các yêu cầu TTTPHS từ phía nước ngoài liên quan đến các vấn đề như: Tiến hành khám xét; kiểm tra đồ vật, địa điểm; thu hồi, tịch thu tài sản do phạm tội mà có... nhưng pháp luật trong nước chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể, dẫn đến việc thực hiện yêu cầu TTTPHS bị gián đoạn, gây mất thời gian, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của quốc gia yêu cầu; nhiều vụ việc phải áp dụng nguyên tắc “có đi có lại” để xử lý.

Bên cạnh đó, hầu hết các hiệp định điều quy định không áp dụng đối với các hoạt động nhằm mục đích dẫn độ; thi hành bản án hình sự của quốc gia yêu cầu tại quốc gia được yêu cầu, trừ vụ việc trong phạm vi pháp luật của quốc gia được yêu cầu cho phép; chuyển giao người bị kết án phạt tù để thi hành hình phạt; chuyển giao vụ án hình sự³. Điều này nhằm nhấn mạnh sự khác nhau giữa TTTPHS với các hoạt động dẫn độ tội phạm, chuyển giao người bị kết án phạt tù; riêng thi hành án hình sự, tố tụng hình sự được coi là hoạt động tài phán liên quan đến chủ quyền của quốc gia nên không đặt ra, trừ trường hợp pháp luật quốc gia cho phép.

- Về giới hạn phạm vi TTTPHS:

Luật tương trợ tư pháp năm 2007 cũng như các điều ước quốc tế về TTTPHS giữa Việt Nam và các nước ASEAN đều quy định về giới hạn phạm vi TTTPHS giữa các quốc gia. Theo đó, trong một số trường hợp cụ thể, quốc gia được yêu cầu có quyền từ chối thực hiện hoạt động

2. Dương Đình Công, *Phạm vi TTTPHS trong một số điều ước quốc tế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 15 (391), năm 2019.

3. Điều 2 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN năm 2004.

TTTPHS. Tuy nhiên, Luật tương trợ tư pháp năm 2007 có sự khác biệt rõ rệt so với các điều ước quốc tế về TTTPHS mà Việt Nam đã tham gia khi chỉ xác định các trường hợp “bắt buộc” từ chối thực hiện yêu cầu TTTPHS, mà không quy định các trường hợp “có thể” từ chối yêu cầu. Có thể thấy rằng, giới hạn phạm vi TTTPHS theo pháp luật trong nước, cụ thể là Luật tương trợ tư pháp năm 2007 còn hạn chế và chưa thực sự đầy đủ, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

Các trường hợp mang tính “bắt buộc” từ chối thực hiện ủy thác tư pháp từ nước ngoài được quy định tại Điều 21 Luật tương trợ tư pháp năm 2007. Trong khi đó, ngoài trường hợp từ chối yêu cầu TTTPHS mang tính bắt buộc, các điều ước quốc tế còn quy định một số yêu cầu có thể bị từ chối nếu hoạt động đó gây phương hại đến lợi ích, an ninh quốc gia và quyền con người, quyền công dân⁴. Các quy định về việc “có thể” từ chối yêu cầu TTTPHS đặt ra cho quốc gia được yêu cầu một quy phạm tùy nghi. Theo đó, các quốc gia sẽ có quyền lựa chọn từ chối hoặc đồng ý thực hiện yêu cầu nếu xét thấy hoạt động tương trợ tư pháp đó có thể ảnh hưởng tới lợi ích, an ninh quốc gia.

4. Các trường hợp có thể từ chối yêu cầu TTTPHS: Khoản 2 Điều 3 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN năm 2004; khoản 3 Điều 5 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Indonesia năm 2013; khoản 2 Điều 3 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Campuchia năm 2016.

- Về chi phí thực hiện hoạt động TTTPHS:

Chi phí là một phần quan trọng không thể thiếu để thực hiện hiệu quả các hoạt động TTTPHS. Theo thông lệ quốc tế cũng như các điều ước quốc tế về TTTPHS giữa Việt Nam và các nước ASEAN thì quốc gia được yêu cầu sẽ phải chịu mọi chi phí thông thường để thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ một số chi phí đặc biệt mà quốc gia yêu cầu phải chịu⁵. Tuy nhiên, chi phí thực hiện TTTPHS theo Luật tương trợ tư pháp năm 2007 có phần chưa phù hợp với nội dung nêu trên. Cụ thể, tại Điều 31 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 quy định: “Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài do nước yêu cầu chi trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Trong trường hợp Việt Nam chịu chi phí cho việc thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự thì chi phí đó do ngân sách nhà nước bảo đảm”.

- Về thời hạn thực hiện yêu cầu TTTPHS:

Mỗi yêu cầu TTTPHS từ phía nước ngoài hay từ Việt Nam chuyển cho quốc gia khác đều có nội dung về thời hạn thực hiện yêu cầu. Việc đáp ứng thời hạn theo yêu cầu TTTPHS sẽ giúp thủ tục giải quyết vụ án đúng thời hiệu mà pháp luật quốc gia đó quy định. Tuy nhiên, hiện nay cả pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế Việt Nam đã tham gia đều không

5. Điều 25 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN năm 2004; Điều 20 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Indonesia năm 2013; Điều 20 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Campuchia năm 2016.

quy định cụ thể về thời hạn giải quyết yêu cầu TTTPHS. Luật tương trợ tư pháp năm 2007 chỉ quy định về thời hạn Viện kiểm sát nhân dân tối cao vào sổ ủy thác tư pháp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với thủ tục yêu cầu nước ngoài TTTPHS, cũng như thủ tục nhận và xử lý ủy thác tư pháp về hình sự của nước ngoài⁶. Theo tác giả, việc quy định thời hạn kiểm tra tính hợp lệ, chuyển hồ sơ và trả kết quả TTTPHS từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành là máy móc, thời gian quá dài và chưa tính đến yếu tố đảm bảo về mặt thời hạn giải quyết đối với từng yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể⁷. Trong một số trường hợp, yêu cầu TTTPHS gấp, cần thực hiện trong khoảng thời gian ngắn mà thời gian kiểm tra tính hợp lệ, chuyển hồ sơ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định dài sẽ dẫn tới hệ quả là quá hạn thực hiện yêu cầu TTTPHS, gây ảnh hưởng tới quá trình giải

quyết vụ án, thời hạn điều tra, truy tố, xét xử theo luật định đã hết mà chưa nhận được kết quả tương trợ tư pháp.

- Về việc sử dụng phương tiện kỹ thuật trong TTTPHS:

Trong xu thế phát triển của khoa học công nghệ thì việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền hình vào quá trình TTTPHS là vô cùng cần thiết, giúp rút ngắn thời gian, tiết kiệm công sức, kinh phí trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai... Theo đó, tại Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN năm 2004 đã quy định về việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các cá nhân có liên quan, xác định nơi ở và nhận dạng của cá nhân theo yêu cầu bao gồm cả thông qua việc sử dụng kết nối truyền hình trực tiếp hoặc các phương tiện giao tiếp thích hợp khác theo pháp luật của nước được yêu cầu⁸. Tuy vậy, nội dung này mới chỉ được đề cập tại Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN năm 2004 mà chưa được quy định tại các hiệp định song phương giữa Việt Nam và một số quốc gia ASEAN, cũng như pháp luật trong nước về TTTPHS.

2. Một số kiến nghị, đề xuất

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng, hiện nay pháp luật trong nước chưa thực sự tương thích, phù hợp với các điều ước quốc tế về TTTPHS giữa Việt Nam và các nước ASEAN. Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả pháp luật về TTTPHS giữa

6. Điều 22, 23 Luật tương trợ tư pháp năm 2007.

7. Theo Điều 22, 23 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp từ phía cơ quan trong nước, Viện kiểm sát nhân dân tối cao vào sổ ủy thác tư pháp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải vào sổ ủy thác tư pháp, kiểm tra tính hợp lệ và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển văn bản đó cho cơ quan có thẩm quyền trong nước hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu theo quy định.

8. Khoản 3 Điều 11, khoản 4 Điều 14, khoản 7 Điều 15 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN năm 2004.

Việt Nam và các nước ASEAN, Luật tương trợ tư pháp năm 2007 cần sửa đổi, bổ sung theo hướng sau:

Một là, mở rộng phạm vi TTTPHS theo nguyên tắc các quốc gia hợp tác tối đa, phải dành cho nhau các biện pháp tương trợ tư pháp rộng rãi nhất có thể trong điều tra, truy tố và thủ tục tố tụng tiếp theo. Theo đó, cần bổ sung một số hoạt động TTTPHS phù hợp với các điều ước quốc tế hiện nay như: Cho phép người tiến hành tố tụng của quốc gia yêu cầu được tham gia một số hoạt động trong quá trình thực hiện tương trợ tư pháp tại quốc gia được yêu cầu; tổ chức cho người tại quốc gia được yêu cầu đến quốc gia yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ, liên kết, phối hợp điều tra; quy định về tương trợ tư pháp trong việc phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội... Ngoài ra, cần có quy định cụ thể về các điều luật liên quan đến TTTPHS không áp dụng cho các hoạt động dẫn độ tội phạm, chuyển giao người bị kết án phạt tù hay các hoạt động khác mang tính tài phán thuộc chủ quyền quốc gia.

Hai là, cần quy định bổ sung các trường hợp giới hạn phạm vi TTTPHS. Bên cạnh các trường hợp mang tính “bắt buộc” từ chối thực hiện yêu cầu TTTPHS thì pháp luật cần quy định thêm những trường hợp “có thể” từ chối yêu cầu TTTPHS. Cụ thể là: Việc thực hiện tương trợ tư pháp có thể hoặc sẽ gây phương hại đến sự an toàn của một cá nhân nào đó vì lý do chủng tộc, tôn giáo, giới tính, dân tộc, quốc tịch hay quan điểm chính trị của người đó; yêu cầu liên

quan đến việc điều tra, truy tố hay trừng phạt một người với căn cứ có thể sử dụng như là cơ sở để từ chối theo pháp luật của Việt Nam; yêu cầu đối với tội phạm có tính chất chính trị theo quan điểm của quốc gia yêu cầu mà Việt Nam không công nhận loại tội phạm đó “có tính chất chính trị”. Việc hoàn thiện quy định về giới hạn phạm vi TTTPHS sẽ giúp đảm bảo chủ quyền, lợi ích quốc gia; bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong những trường hợp cần thiết.

Ba là, sửa đổi quy định về chi phí TTTPHS theo hướng: Quốc gia được yêu cầu sẽ chi trả các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu TTTPHS, trừ một số chi phí mang tính đặc thù sẽ do quốc gia yêu cầu chi trả và những trường hợp có thỏa thuận khác. Việc này sẽ giúp các quy định về chi phí thực hiện yêu cầu TTTPHS đồng bộ với thông lệ quốc tế và các điều ước quốc tế Việt Nam đã ký kết, tạo điều kiện để hoạt động TTTPHS được diễn ra thuận lợi, thông suốt.

Bốn là, bổ sung quy định về thời hạn thực hiện yêu cầu TTTPHS và điều chỉnh rút ngắn thời gian kiểm tra, chuyển giao hồ sơ từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoạt động TTTPHS. Bởi lẽ, việc quy định thời hạn giải quyết yêu cầu TTTPHS hợp lý sẽ giúp quá trình hợp tác giữa các quốc gia trong giải quyết các vụ án hình sự được hiệu quả, đảm bảo yêu cầu về mặt thời gian, tránh tình trạng quá thời hạn điều tra, truy tố, xét xử... Đối với thời hạn thực hiện yêu cầu TTTPHS, cần căn cứ vào thời hạn bên yêu cầu đề nghị và phải hoàn thành

trước thời hạn này trong khoảng thời gian hợp lý để gửi kết quả kịp thời cho quốc gia yêu cầu. Về thời gian Viện kiểm sát nhân dân tối cao vào sổ, kiểm tra và chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp nên được rút ngắn xuống còn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, kể cả trường hợp ủy thác tư pháp hình sự cho nước ngoài và tiếp nhận, xử lý ủy thác tư pháp về hình sự của nước ngoài; giảm thời gian trả kết quả cho cơ quan yêu cầu ủy thác tư pháp xuống còn 02 ngày.

Năm là, bổ sung các quy định liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin,

các phương thức kỹ thuật hiện đại như truyền hình, chữ ký điện tử, tài liệu số trong quá trình thực hiện yêu cầu TTTPHS nhằm đáp ứng yêu cầu hợp tác quốc tế trong thời đại mới. Đặc biệt, cần hoàn thiện các quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật tương trợ tư pháp năm 2007 về chứng cứ, lời khai, tài liệu được thu thập thông qua cầu truyền hình hay dưới dạng số hóa. Cụ thể, cần quy định về quy trình, thủ tục lấy lời khai qua cầu truyền hình; các điều kiện công nhận hiệu lực pháp lý đối với chữ ký điện tử, tài liệu số hóa trong quá trình thực hiện các hoạt động TTTPHS. □

XÁC ĐỊNH TÌNH TIẾT ...

(Tiếp theo trang 53)

bóng đá để thắng độ số tiền 80 triệu đồng và buộc T phải trả lại số tiền này. Do lo sợ nên T hứa sẽ trả. Chiều ngày 16/11/2017, Phạm Văn C tiếp tục gọi điện thoại và nhắn tin yêu cầu T phải giao tiền. Khi C cùng P, H đến điểm hẹn và lấy của T số tiền là 15 triệu đồng thì bị lực lượng chức năng bắt giữ.

Các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Đ đã tiến hành khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử C, P, H và Đ về Tội cưỡng đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại Bản án phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định xử phạt các bị cáo theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật

Hình sự năm 2015.

Trường hợp này, cơ quan tiến hành tố tụng xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 15 triệu đồng (là số tiền bị cáo thực tế chiếm đoạt được), không phải là 80 triệu đồng (là số tiền mà bị cáo có ý định chiếm đoạt) để xác định tình tiết định khung hình phạt.

Như vậy, việc xác định tình tiết định khung đối với các tội xâm phạm sở hữu có cấu thành hình thức hiện nay vẫn chưa thống nhất, cùng một dạng hành vi có thể có các cách hiểu và áp dụng pháp luật khác nhau. Vì vậy, liên ngành tư pháp trung ương cần có hướng dẫn cụ thể về các tội xâm phạm sở hữu nói chung, xác định giá trị tài sản tại các tình tiết định khung đối với các tội phạm có cấu thành hình thức trong nhóm tội xâm phạm sở hữu nói riêng để thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật. □